TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: **32/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023.
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh A, xã Ninh H, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Nh, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/01/2023 của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân*:* Chị Lê Thị Tuyết N và anh Trương Văn Nh *(sau đây gọi tắt là chị N, anh Nh)* tự quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu ngày 06/3/2020. Vợ chồng chị N, anh Nh chung sống hạnh phúc đến nắm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh Nh không lo làm ăn mà thường tụ tập bạn bè đi đá gà, đánh bài. Ngày 27/6/2022 anh Nh có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, dẫn đến mẫu thuẫn của vợ chồng trầm trọng thêm. Nhiều lần, chị N khuyên anh Nh sửa đổi nhưng anh không thay đổi nên anh, chị ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không liên lạc. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung Trương Tấn Phát, sinh ngày 21/3/2020, con sống với chị N từ nhỏ đến nay. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do anh Nh không có nghề nghiệp ổn định thường đi ăn chơi, không lo làm ăn nên chị N xin rút lại về nội dung cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị N, anh Nh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn Nh được Tòa án triệu tập hợp lệ và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nh với ly do bất đồng quan điểm sống, anh Nh có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, bỏ mặc chị không quan tâm; về con chung chị N yêu cầu được nuôi con chung Trương Tấn Phát, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nh vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Nh không phản tố, không ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn chị N. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Nh.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với anh Trương Văn Nh. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Nh có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu ngày 06/3/2020 nên hôn nhân của chị N, anh Nh là hợp pháp. Chị N xin ly hôn ly do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Nh không lo làm ăn mà thường tụ tập bạn bè đi đá gà, đánh bài. Hơn nữa, anh Nh có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác. Nhiều lần, chị N khuyên anh Nh sửa đổi nhưng anh không thay đổi nên anh, chị sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không liên lạc.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh Nh là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống trong gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẽ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau từ tháng 6/2022 đến nay cả hai không liên lạc với nhau, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình trạng hôn nhân của chị N, anh Nh cũng được chính quyền địa phượng xác nhận là đúng, nghĩ nên cho chị N được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị N, anh Nh có 01 người con chung Trương Tấn Phát, sinh ngày 21/3/2020. Vợ chồng ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung Trương Tấn Phát, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con, HĐXX nhận thấy: Cháu Trương Tấn Phát chung sống với chị N từ khi cháu được sinh ra đến nay, được chị N chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt như bao đứa trẻ cùng trang lứa, cháu đã thích nghi với môi trường sống bên chị N và nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, thiết nghĩ giao cháu Trương Tấn Phát cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị N, anh Nh không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[3].Về án phí xin ly hôn: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0005767 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trương Văn Nh.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Tấn Phát, sinh ngày 21/3/2020 (hiện đang sống với chị N) cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trương Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu.

Anh Trương Văn Nh có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị N, anh Nh không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0005767 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng